CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 100/TB-ĐGBĐ	*Bình Định, ngày 21 tháng 5 năm 2024*

THÔNG BÁO
ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Thông báo này điều chỉnh một số nội dung Thông báo số 81/TB-ĐGBĐ ngày 11/5/2024 của Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Định)

Thực hiện Văn bản số 109/TCTĐG ngày 20/5/2024 của Tổ công tác đấu giá QSD đất thành phố Quy Nhơn, Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Định Thông báo điều chỉnh diện tích và ký hiệu các lô đất tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các khu QHDC trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, cụ thể như sau:

1. Lô đất số 11 (lô góc) đường ĐS1, lộ giới 14m và đường ĐS4, lộ giới 10m-khu A4 thuộc khu dân cư khu vực 8, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn được điều chỉnh như sau:

Diện tích sau khi điều chỉnh (m^2)	**Đơn giá** (đồng/m^2)	**Giá khởi điểm sau khi điều chỉnh** (đồng)	**Tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ đấu giá sau khi điều chỉnh** (đồng)
170,6	16.800.000	2.866.080.000	573.700.000

2. Lô đất số 01 đường ĐS3, lộ giới 12m - khu A2 thuộc khu dân cư khu vực 8, P. Trần Quang Diệu được điều chỉnh như sau:

Khu đất, tên đường, lộ giới	**Diện tích sau khi điều chỉnh** (m^2)	**Đơn giá** (đồng/m^2)	**Giá khởi điểm sau khi điều chỉnh** (đồng)	**Tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ đấu giá sau khi điều chỉnh** (đồng)
Đường ĐS4, LG 10m - Khu A2	77,2	13.000.000	1.003.600.000	201.200.000

3. Điều chỉnh lô 02, 03 đường ĐS3, lộ giới 12m - khu A2 thuộc khu dân cư khu vực 8, P. Trần Quang Diệu "thành" lô 02, 03 **đường ĐS4, lộ giới 10m** - khu A2 thuộc khu dân cư khu vực 8, P. Trần Quang Diệu.
4. Điều chỉnh ký hiệu lô đất: Lô số 04 đường D12, lộ giới 13m-Khu A5 được điều chỉnh thành **lô số 44** đường D12, lộ giới 13m-Khu A5.
5. Điều chỉnh tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ đấu giá **lô số 186** khu TĐC vùng thiên tai xã Nhơn Hải thành: **88.600.000 đồng**.
6. Điều chỉnh tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ đấu giá **lô số 203** khu TĐC vùng thiên tai xã Nhơn Hải thành: **90.300.000 đồng**.

❖ *Thông báo này điều chỉnh tên đường, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước và ký hiệu một số lô đất thuộc các khu QHDC trên địa bàn thành phố Quy Nhơn. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên Thông báo số 81/TB-ĐGBĐ ngày 11/5/2024 của Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Định.*

(Xem danh sách các lô đất đấu giá QSD đất kèm theo sau khi điều chỉnh)

❖ ***Khách hàng cần biết thêm chi tiết liên hệ tại:***

Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Định

Địa chỉ: 120 – Diên Hồng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3521281 – 2468386

Xem website: https://daugiahopdanhbinhdinh.com/; https://dgts.moj.gov.vn/ hoặc https://taisancong.vn/

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 04 - C.T.H.D
CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH BÌNH ĐỊNH
T.P QUY NHƠN - T.BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Tấn Thương

DANH SÁCH CÁC LÔ ĐẤT ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Thông báo số 100/TB-ĐGBĐ ngày 21/5/2024
của Cty Đấu giá Hợp danh Bình Định)

❖ **Buổi đấu giá: Vào lúc 08h00' Thứ 7, ngày 01/6/2024.**
❖ Thời gian nộp hồ sơ đăng ký: Từ ngày niêm yết đến 16h00' Thứ 4, ngày 29/5/2024

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m^2)	Đơn giá (đồng/m^2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
I	**Khu dân cư tổ 48, khu vực 9A, phường Đống Đa**					
Lô 06	Đường ĐS1, LG 20m - OLK-02	117,81	22.000.000	2.591.820.000	518.800.000	80.000.000
Lô 07	Đường ĐS1, LG 20m - OLK-02	120,00	22.000.000	2.640.000.000	528.500.000	80.000.000
II	**Khu tái định cư dân vùng thiên tai xã Nhơn Hải**					
Lô 212	Đường số 10, lộ giới 5m	84,50	8.500.000	718.250.000	144.100.000	25.000.000
Lô 213	Đường số 10, lộ giới 5m	65,00	8.500.000	552.500.000	111.000.000	20.000.000
Lô 214	Đường số 10, lộ giới 5m	63,30	8.500.000	538.050.000	108.100.000	20.000.000
Lô 215	Đường số 10, lộ giới 5m	61,50	8.500.000	522.750.000	105.000.000	20.000.000
III	**Khu dân cư khu vực 8, phường Trần Quang Diệu**					
Lô 01	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
Lô 02	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
Lô 03	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
Lô 04	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
IV	**Khu QHDC khu vực 6, phường Nhơn Bình**					
Lô 21 (lô góc)	Đường D7, LG 24m – Đường D2, LG 24m - Khu A14	104,10	19.200.000	1.998.720.000	400.200.000	70.000.000
Lô 22 (lô góc)	Đường D7, LG 24m – Đường D2, LG 24m - Khu A5	265,00	19.200.000	5.088.000.000	1.018.100.000	150.000.000

❖ **Buổi đấu giá: Vào lúc 08h00' Thứ 7, ngày 08/6/2024.**
❖ Thời gian nộp hồ sơ đăng ký: Từ ngày niêm yết đến 16h00' Thứ 4, ngày 05/6/2024

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m^2)	Đơn giá (đồng/m^2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
I	**Khu dân cư tổ 48, khu vực 9A, phường Đống Đa**					
Lô 08	Đường ĐS1, LG 20m - OLK-02	100,00	22.000.000	2.200.000.000	440.500.000	70.000.000
II	**Khu tái định cư dân vùng thiên tai xã Nhơn Hải**					
Lô 216	Đường số 10, lộ giới 5m	59,80	8.500.000	508.300.000	102.100.000	20.000.000
Lô 217	Đường số 10, lộ giới 5m	58,00	8.500.000	493.000.000	98.800.000	20.000.000
Lô 218	Đường số 10, lộ giới 5m	56,20	8.500.000	477.700.000	95.700.000	20.000.000
Lô 219	Đường số 10, lộ giới 5m	84,30	8.500.000	716.550.000	143.800.000	25.000.000
Lô 220	Đường số 10, lộ giới 5m	75,00	8.500.000	637.500.000	128.000.000	25.000.000
III	**Khu dân cư khu vực 8, phường Trần Quang Diệu**					
Lô 05	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
Lô 06	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
Lô 07	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
Lô 08	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
IV	**Khu QHDC khu vực 6, phường Nhơn Bình**					
Lô 21 (lô góc)	Đường D7, LG 24m – đường D14, LG 13m - Khu A5	260,50	19.200.000	5.001.600.000	1.000.800.000	150.000.000
Lô 01 (lô góc)	Đường D12, LG 13m – Đường D14, LG 13m - Khu A5	153,10	18.000.000	2.755.800.000	551.600.000	80.000.000

❖ **Buổi đấu giá: Vào lúc 08h00' Thứ 7, ngày 15/6/2024.**
❖ Thời gian nộp hồ sơ đăng ký: Từ ngày niêm yết đến 16h00' Thứ 4, ngày 12/6/2024

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m^2)	Đơn giá (đồng/m^2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
I	**Khu dân cư tổ 48, khu vực 9A, phường Đống Đa**					
Lô 09	Đường ĐS1, LG 20m - OLK-02	92,00	22.000.000	2.024.000.000	405.300.000	70.000.000
II	**Khu tái định cư dân vùng thiên tai xã Nhơn Hải**					
Lô 221	Đường số 10, lộ giới 5m	66,20	8.500.000	562.700.000	113.000.000	20.000.000
Lô 222	Đường số 10, lộ giới 5m	58,50	8.500.000	497.250.000	99.600.000	20.000.000
Lô 223	Đường số 10, lộ giới 5m	61,40	8.500.000	521.900.000	104.800.000	20.000.000
Lô 224	Đường số 10, lộ giới 5m	59,10	8.500.000	502.350.000	100.900.000	20.000.000
Lô 225	Đường số 10, lộ giới 5m	57,70	8.500.000	490.450.000	98.200.000	20.000.000
III	**Khu dân cư khu vực 8, phường Trần Quang Diệu**					
Lô 09	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
Lô 10	Đường ĐS1, LG 14m - Khu A4	112,50	14.000.000	1.575.000.000	315.500.000	50.000.000
Lô 11 (lô góc)	Đường ĐS1, LG 14m - Đường ĐS4, LG 10m - Khu A4	170,60	16.800.000	2.866.080.000	573.700.000	80.000.000
IV	**Khu QHDC khu vực 4 và 5, phường Nhơn Phú**					
Lô 1A (lô góc)	Đường D8, lộ giới 24m – đường D1, lộ giới 17m	94,38	16.800.000	1.585.584.000	317.600.000	40.000.000
V	**Khu QHDC khu vực 6, phường Nhơn Bình**					
Lô 44	Đường D12, LG 13m-Khu A5	138,50	15.000.000	2.077.500.000	416.000.000	70.000.000
Lô 57 (lô góc)	Đường D1, lộ giới 24m – đường D12 - Khu A3	76,00	19.200.000	1.459.200.000	292.300.000	50.000.000

❖ **Buổi đấu giá: Vào lúc 08h00' Thứ 7, ngày 22/6/2024.**
❖ Thời gian nộp hồ sơ đăng ký: Từ ngày niêm yết đến 16h00' Thứ 4, ngày 19/6/2024

Ký hiệu lô đất	Khu đất, tên đường, lộ giới	Diện tích (m^2)	Đơn giá (đồng/m^2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
I	**Khu dân cư tổ 48, khu vực 9A, phường Đống Đa**					
Lô 10	Đường ĐS1, LG 20m - OLK-02	112,00	22.000.000	2.464.000.000	493.300.000	80.000.000
II	**Khu tái định cư dân vùng thiên tai xã Nhơn Hải**					
Lô 226 (lô góc)	Đường số 10, lộ giới 5m - Đường số 11, lộ giới 5m	56,60	10.200.000	577.320.000	115.900.000	20.000.000
Lô 186	Đường số 9, lộ giới 5m	52,00	8.500.000	442.000.000	88.600.000	20.000.000
Lô 203	Đường số 9, lộ giới 5m	53,00	8.500.000	450.500.000	90.300.000	20.000.000
Lô 194 (lô góc)	Đường số 9, lộ giới 5m - Đường số 11, lộ giới 5m	64,00	10.200.000	652.800.000	131.000.000	25.000.000
Lô 211 (lô góc)	Đường số 9, lộ giới 5m - Đường số 11, lộ giới 5m	64,50	10.200.000	657.900.000	132.000.000	25.000.000
III	**Khu dân cư khu vực 8, phường Trần Quang Diệu**					
Lô 01	Đường ĐS4, LG 10m - Khu A2	77,20	13.000.000	1.003.600.000	201.200.000	40.000.000
Lô 02	Đường ĐS4, LG 10m - Khu A2	71,40	13.000.000	928.200.000	186.100.000	35.000.000
Lô 03	Đường ĐS4, LG 10m - Khu A2	71,40	13.000.000	928.200.000	186.100.000	35.000.000
IV	**Khu QHDC khu vực 4 và 5, phường Nhơn Phú**					
Lô 1B	Đường D1, lộ giới 17m	68,32	12.500.000	854.000.000	171.300.000	30.000.000
V	**Khu QHDC khu vực 6, phường Nhơn Bình**					
Lô 37 (lô góc)	Đường D12, LG 13m - Đường quy hoạch, LG 5m - Khu A3	125,40	16.500.000	2.069.100.000	414.300.000	70.000.000
Lô 38 (lô góc)	Đường D12, LG 13m - Đường quy hoạch, LG 5m - Khu A3	86,40	16.500.000	1.425.600.000	285.600.000	50.000.000